

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÔ HIỆU TỈNH SƠN LA

Nguyễn Thị Tâm

Trường Trung học Phổ thông Tô Hiệu tỉnh Sơn La

Tóm tắt: Tiếng Việt là ngôn ngữ phổ thông và là ngôn ngữ chính thức trong giáo dục nhưng đối với học sinh nói chung và đặc biệt đối với học sinh dân tộc thiểu số, việc nói và viết đúng tiếng Việt luôn là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Báo cáo tập trung khảo sát và đánh giá thực trạng năng lực viết tiếng Việt của học sinh Trường Trung học Phổ thông Tô Hiệu tỉnh Sơn La trên cơ sở những bài làm văn ở các bình diện chính tả, từ ngữ và câu. Những số liệu và kết quả khảo sát sẽ là căn cứ thực tiễn để tiếp tục nghiên cứu và đưa ra biện pháp nhằm nâng cao năng lực viết tiếng Việt cho học sinh Trường Trung học Phổ thông Tô Hiệu tỉnh Sơn La.

Từ khóa: Năng lực ngôn ngữ, năng lực viết, ngôn ngữ dân tộc thiểu số, dạy học tiếng Việt.

1. MỞ ĐẦU

Tiếng Việt là ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc, là tiếng phổ thông của Việt Nam và là ngôn ngữ chính thức trong giáo dục. Do đó, ngoài việc đảm nhận chức năng trang bị kiến thức như các môn học khác, tiếng Việt còn đảm nhận chức năng quan trọng nữa là trang bị cho học sinh công cụ để giao tiếp, giúp học sinh lĩnh hội và diễn đạt các kiến thức khoa học được giảng dạy trong các môn học khác. Trong quá trình giao tiếp cũng như học tập, học sinh (HS) vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn trong quá trình nói và viết tiếng Việt.

Nói đến năng lực sử dụng ngôn ngữ là nói tới khả năng sử dụng thành thạo tiếng Việt bao gồm 4 kĩ năng: nói, viết, đọc, hiểu. Ngôn ngữ viết là giai đoạn thứ hai trong sự lĩnh hội lời nói, nhưng cũng là giai đoạn đánh dấu sự hoàn thiện ngôn ngữ. Nó vừa thể hiện được năng lực giao tiếp vừa thể hiện năng lực tư duy. Năng lực viết tiếng Việt thể hiện rõ nhất khả năng tư duy, khả năng phán đoán, lập luận, bày tỏ quan điểm chính kiến về thế giới khách quan, về các vấn đề trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, năng lực viết tiếng Việt của HS còn rất nhiều hạn chế. Việc phát âm chưa chuẩn chính tả tiếng Việt, vốn từ vựng hạn chế, khả năng diễn đạt chưa tốt, việc ảnh hưởng của ngôn ngữ nói đến ngôn ngữ viết... khiến cho phần lớn HS gặp trở ngại trong quá trình tạo lập văn bản viết. Do vậy, việc khảo sát thực trạng viết tiếng Việt để góp phần

nâng cao năng lực viết Tiếng Việt cho HS là hết sức cần thiết.

2. NỘI DUNG

2.1. Giới thiệu khái quát về Trường Trung học Phổ thông Tô Hiệu tỉnh Sơn La và đối tượng khảo sát

Trường Trung học Phổ thông Tô Hiệu (THPTTH) tỉnh Sơn La được thành lập từ những năm sáu mươi của thế kỉ XX. Là ngôi trường cấp 3 ra đời sớm nhất của tỉnh Sơn La, mang tên người cộng sản kiên trung – liệt sĩ Tô Hiệu. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn kiên trì phấn đấu, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành xuất sắc mục tiêu giáo dục, góp phần quan trọng cho sự phát triển của ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh Sơn La.

Nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi thực hiện khảo sát trên cơ sở từ những bài làm văn trong chương trình dạy học môn Làm văn của HS Trường Trung học Phổ thông Tô Hiệu tỉnh Sơn La gồm tổng số 244 bài văn của 122 HS ở cả 3 khối lớp, cụ thể: Lớp 10A2: 42 HS; Lớp 11A6: 40 HS; Lớp 12A10: 40 HS (năm học 2021-2022).

2.2. Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của HS Trường THPTTH

2.2.1. Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của HS ở bình diện từ ngữ, chính tả

2.2.1.1. Ở bình diện chính tả

Khác với phương diện ngữ âm có nhiều biến thể ở từng địa phương, những cách thức nhấn giọng đặc trưng theo vùng, miền; chữ

viết tiếng Việt có xu hướng được trình bày theo chuẩn ngôn ngữ toàn dân mà phương ngữ Bắc là cơ sở. Tuy nhiên, khi viết, kể cả HS người Bắc vẫn mắc rất nhiều lỗi chính tả.

Ngôn ngữ viết mang tính xã hội cao hơn so với lời nói miệng và đi liền với nó luôn có những chuẩn mực. Chuẩn mực này ngay từ khi mới bắt đầu đi học, HS đã được giáo viên hướng dẫn để có thể sử dụng tiếng Việt theo đúng chuẩn mực của nó. Song trong thực tế sử dụng tiếng Việt, HS vẫn mắc rất nhiều lỗi về phương diện chữ viết. Qua khảo sát tình hình sử dụng tiếng Việt của HS THPTTH tỉnh Sơn La, có đến 98/122 HS thừa nhận thường xuyên mắc lỗi ở phương diện chữ viết (chiếm 80,3%). Chúng tôi đã thống kê được những lỗi cơ bản về chữ viết như sau:

a. Vi phạm quy tắc chính tả

Có thể nói chính tả là một vấn đề có tính phổ quát đối với mọi thứ chữ viết ghi âm được dùng hiện nay trên thế giới. Ở mỗi thứ chữ viết ghi âm, bao giờ cũng có vấn đề nên viết thế nào cho đúng chính tả. Sở dĩ có tình trạng này là do trong ngôn ngữ luôn luôn có tình trạng không khớp nhau hoặc ít hoặc nhiều giữa âm và chữ. Chữ viết ghi âm được đặt ra là để ghi lại ngôn ngữ âm thanh. Nhưng ngôn ngữ âm thanh của con người luôn biến đổi theo thời gian, còn chữ viết lại có xu hướng bảo thủ. Qua thời gian, sự khác biệt giữa âm và chữ tích tụ lại ngày càng nhiều gây khó khăn cho chính tả. Bên cạnh đó, trong một đất nước thống nhất, dùng chung một ngôn ngữ thì bao giờ cũng tồn tại nhiều phương ngữ khác nhau, với những cách phát âm khác nhau dựa trên cơ sở một chính tả chung. Điều này dẫn đến tình trạng có nhiều lỗi chính tả đặc trưng cho từng vùng. Chẳng hạn chính tả phân biệt tr và ch, s và x... nhưng cách phát âm của nhiều địa phương Bắc Bộ không có sự phân biệt này, vì vậy rất dễ viết lẫn lộn các chữ này với nhau. Trong bài văn của học sinh, các em thường mắc những lỗi chính tả như:

- Lỗi nhầm lẫn phụ âm đầu: Lẫn lộn s-x: *Thạch Lam được coi là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của Văn học Việt Nam Hiện đại*; lẫn lộn r-d: *Chùm ca dao than thân đã để lại cho người đọc những dung động, xúc cảm mãnh liệt*; lẫn lộn l- nh: *Đâu đó vài*

*đứa trẻ nháu nhỉnh tự hợp nhau ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ; lẫn lộn v-r: *Chị em Liên khao khát được bươn ra, thoát ra cái vòng đời tối tăm bao vây, dù đó chỉ là vô vọng*; lẫn lộn l-n: *Vì phải giúp mẹ, An và Liên đành phải ngồi trong sự chán lẩn, cô đơn*; lẫn lộn l- đ: *Những giọt sương như hạt ngọc trai đong đanh vẫn còn đong lại trên lá*; lẫn lộn ch- tr: *Phong cách ngôn ngữ báo trí; Truyện ngắn Thạch Lam đậm chất chữ tình đượm buồn*.*

- Lỗi nhầm lẫn phụ âm cuối:

+ Lẫn lộn p-t: *Nhưng bệnh tập không thể làm lay chuyển ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao*.

+ Lẫn lộn n-ng: *Thạch Lam là cây bút tiêu biểu, là nhà văn lừng mạng tiêu biểu trong nền văn học hiện đại Việt Nam*.

+ Lẫn lộn ch-nh: *Qua cuộc đời tôi, tôi muốn nhắc nhở con cháu đời sau nên biết cảnh giác trước kẻ định*.

Những lỗi phụ âm đầu thường là những lỗi quen thuộc của phương ngữ Bắc Bộ, tuy nhiên cũng có một số lỗi như lẫn lộn b-r, l-đ là do cách phát âm của tiếng mẹ đẻ. Những lỗi phụ âm cuối thì hầu hết đều là do cách phát âm ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ của HS dân tộc thiểu số. Theo khảo sát của tôi, có 105/122 (86%) thừa nhận mình thường mắc phải lỗi chính tả này.

b. Vi phạm quy tắc viết hoa

Quy tắc viết hoa là một quy tắc cơ bản, thông thường nhất của tiếng Việt. Ngay khi bước vào học chữ, HS đã được làm quen với quy tắc này. Tuy nhiên, trong các bài văn viết của HS, nhiều em viết hoa rất tùy tiện (không viết hoa tên người, tên địa lý, đầu câu, đầu đoạn...).

Ví dụ: *Bài thơ được sáng tác vào năm 1948, Quang Dũng nhớ Tây Tiến, tại phù lưu chanh Quang Dũng viết Tây Tiến. Hay câu: Tôi là an Dươn Vươn, vua của nước âu lạc cũng là cha của mị châu*.

c. Lỗi thanh điệu (dùng sai thanh điệu, đánh nhầm vị trí dấu thanh)

Đối với tiếng Việt, thanh điệu có vai trò rất quan trọng. Thanh điệu vừa là một loại âm vị (siêu đoạn tính) vừa có tác dụng tạo âm sắc cho ngôn ngữ. Trong các bài viết của HS

thuộc nhóm đối tượng khảo sát, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều lỗi thanh điệu như: *Thơ của Quang Đúng tài hoa, lãng mạn, giàu chất nhạc, chất họa*. Hay: *Những câu chuyện Thạch Lam kể đều không có cốt chuyện bơi mọi thứ được viết bằng chất liệu nhẹ và sâu nhất*.

Những lỗi nhầm lẫn giữa các thanh hỏi – ngã – nặng phần lớn cũng là do cách phát âm sai do ảnh hưởng của ngôn ngữ dân tộc của các em dẫn đến chữ viết thiếu chuẩn.

d. Lỗi sử dụng kí hiệu, viết tắt:

Hiện nay trong bài làm của HS thường xuất hiện những lỗi viết tắt có thể do thói quen sử dụng ngôn ngữ “chất” của một số bạn trẻ hiện nay. Khi chấm bài giáo viên gặp mình với những chữ viết tắt rất khó hiểu như: *Tính chất của các cuộc di dân này cx khác hoàn toàn vs những đợt di dân trước đây*.

2.2.1.2. Ở bình diện từ vựng - ngữ nghĩa

Khi nói hay khi viết đều phải dùng từ. Từ là đơn vị ngôn ngữ đã có sẵn, thuộc kho từ vựng của ngôn ngữ và tồn tại trong tiềm năng ngôn ngữ của mỗi người. Nó là tài sản chung của xã hội. Khi giao tiếp, mỗi người huy động vốn tài sản đó để tạo ra lời nói hoặc văn bản. Trong đó sự phong phú hay nghèo nàn về vốn từ là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của giao tiếp.

Trong thực tiễn sử dụng ngôn ngữ của HS Trường THPTTH tỉnh Điện Biên, tôi thấy có rất nhiều hiện tượng lệch chuẩn.

a. Dùng từ không đúng với âm thanh và hình thức cấu tạo

Từ là đơn vị có nhiều bình diện, trong đó không thể thiếu âm thanh và hình thức cấu tạo. Âm thanh và hình thức cấu tạo là mặt vật chất, là cái biểu đạt. Trong chữ viết của ta (chữ Quốc ngữ) - thứ chữ theo nguyên tắc ghi âm, âm thanh và hình thức cấu tạo của từ được ghi lại bằng các chữ cái. Cho nên khi viết văn bản, cần ghi lại đúng âm thanh và hình thức cấu tạo của từ được sử dụng. Tuy nhiên, trong thực tế, HS vẫn mắc lỗi này.

Ví dụ: *Những chiếc áo bào nhỏ nhẹ vẫn khoắc lên thân hình người chiến sĩ*.

b. Dùng từ không đúng nghĩa

Nội dung ý nghĩa là một bình diện của từ. Nó là cái được biểu đạt của mỗi từ. Do đó muốn đạt được hiệu quả trong giao tiếp, khi

nói cũng như khi viết, phải dùng từ cho đúng với ý nghĩa của từ. Điều này có nghĩa là, từ được dùng phải biểu hiện được chính xác nội dung cần thể hiện (ý nghĩa của từ phải phù hợp với nội dung định thể hiện). Mặt khác, nghĩa của từ bao gồm cả thành phần nghĩa sự vật, cả thành phần nghĩa biểu thái (biểu hiện thái độ, tình cảm, cảm xúc của con người). Vì thế, khi dùng từ cần phải đạt được yêu cầu vừa đúng về nghĩa sự vật, vừa đúng về nghĩa biểu thái, biểu cảm. Trong các bài văn của HS, chúng tôi thấy có nhiều trường hợp sử dụng từ không chính xác với nội dung định thể hiện. Chẳng hạn như các trường hợp sau: (1) *Thạch Lam là nhà hiện tượng đặc biệt Văn học lãng mạn 1930-1945*. (2) *Để tô vẽ nên bức tranh của mình, Thạch Lam đã dùng cái quan sát rất tài tình*.

Ở trường hợp 1: “nhà hiện tượng đặc biệt” không phù hợp với nội dung mà HS này muốn biểu đạt. Ở đây không cần dùng đến từ “nhà”.

Trường hợp 2: “quan sát” thì không thể dùng với “cái”. Trong trường hợp này, HS muốn diễn đạt là “khả năng quan sát” nhưng lại dùng từ “cái” dẫn đến không hợp nghĩa.

c. Dùng từ sai phong cách

Mỗi phong cách ngôn ngữ của văn bản được sử dụng trong một phạm vi nhất định của cuộc sống xã hội và nhằm thực hiện một mục tiêu giao tiếp. Do đó, mỗi phong cách văn bản đòi hỏi và cho phép việc dùng những lớp từ, nhóm từ nhất định. Có những từ dùng được trong mọi phong cách văn bản, nhưng có những từ chỉ thích hợp hoặc chỉ được dùng trong một phong cách ngôn ngữ nào đó. Khi dùng từ trong văn bản, nếu không ý thức rõ về phong cách văn bản để dùng từ cho phù hợp thì sẽ mắc lỗi về phong cách, ví dụ:

+ *“Đêm mơ Hà Nội đáng kiêu thơm” với hình ảnh người lính trên chiến trường thời gian ngủ thì ít mà thời gian chiến đấu thì nhiều nhưng người lính vẫn không khỏi mơ về Hà Nội, quê hương của mình*.

+ *Tôi đã chấp thuận gả con gái là Mị Châu cho Trọng Thủy. Hôn lễ của hai đứa diễn ra thật linh đình*.

Những biểu thức ngôn ngữ được gạch chân trong các trường hợp trên chỉ thích hợp dùng trong ngôn ngữ nói (ngôn ngữ sinh hoạt

hàng ngày). Còn trong văn viết, những từ này bị coi là lỗi phong cách.

Qua khảo sát những bài văn của HS, chúng tôi nhận thấy phần lớn các lỗi về phong cách là do các em đưa khẩu ngữ vào trong bài viết của mình. Có những cách diễn đạt vốn chỉ thích hợp với phong cách sinh hoạt thường ngày HS lại đưa vào bài viết. Cách viết này có xu hướng rời xa chuẩn mực và có phần chịu tác động của thói quen nói hàng ngày.

d. Hiện tượng lặp từ, thừa từ

Văn bản viết cần phải cô đọng vừa đủ về dung lượng. Do đó, trong việc dùng từ cần tránh hiện tượng thừa từ, lặp từ khi không cần thiết.

+ Với đôi mắt nhỏ bé của người chiến sĩ vẫn nghiêng mình đứng giữ bảo vệ biên giới, nhìn quân đội Pháp với đôi mắt trừng trừng không lìa xa trong công việc của mình.

+ Các tác giả đều có đầu óc sáng tạo và phong phú và tạo nên nét đẹp riêng cho chính mình.

2.2.2. Khảo sát năng lực viết tiếng Việt của học sinh ở bình diện câu

2.2.2.1. Về phương diện cấu tạo câu

Ở các bài văn mà người viết khảo sát, nhiều HS đã biết cách cấu tạo câu đúng cú pháp. Tuy nhiên, ở nhiều bài viết, tôi nhận thấy có HS vẫn mắc các lỗi về cấu tạo câu như: Câu thiếu thành phần: *Thể hiện nỗi niềm mong được hòa bình, tự do của người lính Tây Tiến.* Câu không phân định rõ thành phần: *Đến ngày hôm sau, tôi ra chờ ngoài đường tôi chợt thấy một con rùa vàng đến từ phía đông, rùa vàng lại bắt đầu xây thành, sau khi rùa vàng xây nửa tháng thì xong, thành rộng, xoắn như hình trôn ốc, cho nên mới gọi là Loa thành, lấy lẽ rằng nó cao lắm, rùa vàng ở lại ba năm rồi từ biệt ra về.* Câu sai quan hệ ngữ pháp giữa các vế: *Mặc dù với những bức tranh thơ mộng, đẹp đẽ nhưng lại được buồn.*

Cũng như lỗi chính tả hay lỗi dùng từ, lỗi câu cũng là một lỗi rất phổ biến trong các bài văn viết của HS: 102/122 (83.6%) HS được hỏi cho biết mình thường xuyên mắc phải loại lỗi này.

a. Lỗi về dấu câu

Khi đặt câu, người viết phải đặc biệt chú ý đến việc đặt dấu câu làm cho các quan hệ về ngữ pháp, ngữ nghĩa được tách bạch, rõ ràng, tránh để người đọc có thể hiểu sai ý nghĩa của câu. Dấu câu có tác dụng cơ bản: đánh dấu chỗ kết thúc câu, để ngăn cách câu ấy với những câu khác trong văn bản; đánh dấu ranh giới giữa các thành phần đồng chức với nhau; đánh dấu ranh giới giữa các vế của câu ghép... Trong ngữ liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy HS vẫn hay viết những câu dài, ngắt câu sai quy tắc, thừa/ thiếu dấu câu hay dùng sai chức năng dấu câu. Hiện tượng những câu văn dài lê thê xuất hiện trong bài văn của HS như trên do cách tư duy thiếu mạch lạc, diễn đạt dài dòng, lủng củng, thiếu tính hàm súc.

Ví dụ về câu dài, không đánh dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc: *Với những căn bệnh sốt rét, lính Tây Tiến vẫn rất lạc quan, tóc rụng hết do những căn bệnh nhưng ý chí vượt qua không hề khó, đoàn quân vẫn “xanh màu lá” giữa chốn núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội, đoàn quân như hổ báo ngự trị chốn rừng thiêng “dữ oai hùng” thể hiện vẻ đẹp kiêu hãnh, tầm vóc lớn lao giữa núi rừng.*

Ví dụ về việc đánh dấu ngắt câu ở chỗ câu chưa kết thúc: *Qua câu chuyện của tôi. Tôi muốn nhắn nhủ với mọi người rằng luôn có ý thức cảnh giác cao với mọi người xung quanh. Xử lý đúng đắn mối quan hệ chung và riêng. Giữa nhà nước với cá nhân.*

3. KẾT LUẬN

Từ nguồn ngữ liệu khảo sát, bài viết tập trung phân tích thực trạng viết tiếng Việt của HS (cụ thể ở đây là qua các bài viết ở môn Làm văn) ở Trường THPTTH tỉnh Sơn La. Qua phân tích có thể thấy rằng đa số HS đều mắc phải những lỗi viết trên cả 3 phương diện: chính tả, từ ngữ và câu.

Về phương diện chữ viết, đáng chú ý là hiện tượng nhầm lẫn về mặt chính tả có xu hướng ngày càng phổ biến trong bài viết của HS. Lỗi về chính tả chủ yếu do sự không khớp nhau giữa âm và chữ, rõ ràng ở đây có sự ảnh hưởng của cách phát âm đối với chữ viết. Về phương diện từ vựng, chúng tôi tập trung khảo sát và thống kê những lỗi dùng từ

và thấy rằng: trong văn viết của HS có sự xâm nhập của những từ ngữ khẩu ngữ. Mặt khác, hiện tượng lặp từ, thừa từ vốn đặc trưng cho ngôn ngữ nói lại cũng thấy trong các bài văn viết của các em. Về phương diện câu, tôi tiến hành khảo sát cấu trúc cú pháp quen dùng của HS, từ đó thấy rằng, có sự xuất hiện những câu văn dài, ngắt nghỉ không đúng chỗ, sai về phong cách.

Nhìn chung, năng lực viết tiếng Việt của các em còn nhiều hạn chế. Thực trạng đó là cơ sở để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu về nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực viết cho HS tại Trường THPTTH tỉnh Sơn La trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-

BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội.

[2] Nguyễn Thị Thu Dung (2016), *Nghiên cứu trạng thái đa ngữ tại huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên*, LATS Ngôn ngữ học, Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3] Nguyễn Chí Hoà (2016), “Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và con em Việt kiều: dạy ngôn ngữ thứ nhất hay là ngôn ngữ thứ hai?”, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc), tập 2, tr.1328-1340, Nxb Dân trí.

[4] Đỗ Việt Hùng (1999), *Từ khái niệm năng lực ngôn ngữ đến việc dạy học tiếng Việt trong trường phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Bùi Minh Toán - Lê A - Nguyễn Quang Ninh (2008), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

A STUDY ON VIETNAMESE LANGUAGE WRITING CAPACITY: A CASE STUDY OF TO HIEU HIGH SCHOOL SON LA PROVINCE

Nguyen Thi Tam

To Hieu High School in Son La province

Abstract: Vietnamese is a common language and an official language in education in Vietnam. However, for many students in general and especially for students of ethnic minorities, writing Vietnamese language correctly is a big challenge that requires further research. This study was conducted to gain insights into the current situation and from there recommendations were proposed. The findings of this study could inform teachers and professional developer in this regard.

Keywords: Language competence, writing ability, ethnic minority languages, teaching Vietnamese.

Ngày nhận bài: 22/4/2022. Ngày nhận đăng: 13/6/2022.

Liên lạc: Nguyễn Thị Tâm, e-mail: buithanhhaotbu@utb.edu.vn